TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

THÀNH PHỐ THANH HÓA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 99/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 30/8/2023.

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Luận

Ông Phạm Văn Tiến

Thư- ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tố Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2023/ TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154A/2023/QĐXX - ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 và QĐ hoãn phiên tòa số: 142/QĐ - HPT ngày 14/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị S - Sinh năm 1989

Nơi ĐKNKTT tại: phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: Phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Bá N - Sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị S, vắng mặt anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày: Chị và anh Lê Bá N kết hôn với nhau năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố T. Sau khi cưới xong vợ chồng chung sống tại phố T, phường Q, thành phố T. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N có tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã tha thứ để vợ chồng trở về đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng vợ chồng không cải thiện được tình cảm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm sống, cư xử, suy nghĩ đều luôn trái ngược nhau, không có tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên cãi vã to tiếng xúc phạm với nhau. Nay chị Trần Thị S xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Lê Bá N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm và ly thân từ tháng 5/2023 đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến nhau, nên chị đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Bá N.

Về con chung: Chị S và anh N có 02 con chung là cháu Lê Bá Hồng P sinh ngày 12/8/2009 và cháu Lê Bá Gia B sinh ngày 23/5/2014. Ly hôn chị S có nguyện vọng xin nuôi cháu Lê Bá Gia B, còn cháu Lê Bá Hồng P giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai của bị đơn anh Lê Bá N trình bày:***

Anh và chị Trần Thị S kết hôn với nhau năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố T. Sau khi cưới xong vợ chồng chung sống tại phố T, phường Q, thành phố T. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ban đầu là do anh sai với chị S là có tình cảm với người phụ nữ khác, anh có xin lỗi chị và gia đình chị S tha thứ để vợ chồng quay trở về chung sống đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con cái. Sau khi chị S về chung sống thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, chị S thiếu tôn trọng anh, nên anh có chửi và đánh chị S, rồi chị S cùng hai con của anh bỏ đi từ ngày 28/5/2023 đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn thương yêu chị S, mong muốn xin chị S tha thứ để vợ chồng đoàn tụ, vì thương con nên anh níu kéo tình cảm, còn nếu chị S vẫn cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung là cháu Lê Bá Hồng P sinh ngày 12/8/2009 và cháu Lê Bá Gia B sinh ngày 23/5/2014. Vì anh không muốn ly hôn, nên anh không có ý kiến gì. Còn nếu phải ly hôn thì nguyện vọng của anh xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án xử cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Lê Bá N.Về con cái: Công nhận cháu Lê Bá Hồng P sinh ngày 12/8/2009 và cháu Lê Bá Gia B sinh ngày 23/5/2014 là con chung của chị S và anh N. Giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bá Gia B. Anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bá Hồng P và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung: Chị S và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:*** Chị Trần Thị S có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là anh Lê Bá N. Do đó đây là vụ án ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn là anh Lê Bá N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Toà án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]***Về hôn nhân***: Chị Trần Thị S và anh Lê Bá N kết hôn với nhau năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đều thừa nhận luôn bất đồng về quan điểm và cách sống, luôn to tiếng và xúc phạm nhau, từ tháng 5/2023 đến nay vợ chồng sống ly thân nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, do anh có tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng đã chấm dứt mối quan hệ và chị S đã tha thứ để vợ chồng quay trở về đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được và vợ chống cũng sống ly thân từ ngày 28/5/2023 đến nay, nhưng vì thương con anh

không đồng ý ly hôn, còn nếu chị S không chấp nhận thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy rằng: Mâu thuẫn của chị S và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng cũng không còn, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc, nghĩ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ xử cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Lê Bá N.

[3] ***Về con chung*:** Anh N và chị S thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Bá Hồng P sinh ngày 12/8/2009 và cháu Lê Bá Gia B sinh ngày 23/5/2014. Ly hôn chị S xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bá Gia B, còn anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bá Hồng P. Còn anh N có nguyện vọng xin nuôi cả hai cháu.

Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Xét việc giao con cho ai nuôi là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu, hơn nữa nguyện vọng của cháu P xin được ở với anh N, nguyện vọng của cháu Gia B xin được ở với chị S. Việc anh N xin nuôi cả hai cháu thì không phù hợp với nguyện vọng của chị S và cháu Gia B, vì cháu Gia B đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị S, còn cháu P đang ở với anh N, nên giao cháu P cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, nên chấp nhận yêu cầu của chị S là giao cháu Lê Bá Gia B cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Bá Hồng P cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, khả năng chăm sóc của hai bên và chị S và anh N đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83 của Luật HNGĐ cần được chấp nhận.

[4] ***Về tài sản và công nợ chung**:* Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] ***Về án phí**:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử: Cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Lê Bá N.

Về con chung: Công nhận cháu Lê Bá Hồng P sinh ngày 12/8/2009 và cháu Lê Bá Gia B sinh ngày 23/5/2014 là con chung của chị Trần Thị S và anh Lê Bá N. Giao cháu Lê Bá Gia B cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Bá Hồng P cho anh Lê Bá N trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần Thị S và anh Lê Bá N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003101 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị S đã nộp đủ án phí DSST).

Chị TrầnThị S1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Bá N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THA- TP Thanh Hoá;
- UBND phường Quảng Hưng, TPTH;
- L-ưu hồ sơ .